

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **305/2022/DS-ST**

Ngày: 08-8-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Văn Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thanh H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: 1/ **Bùi Thanh V**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp LT, xã MLA, huyện CB, tỉnh TG.

2/ **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện CT, tỉnh TG.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022).

- Bị đơn: **Lê Văn S**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có mặt; anh V, anh S vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nên vào năm 2021 anh Trần Thanh H có cho anh Lê Văn S vay nhiều lần tiền, cụ thể:

Ngày 17/02/2021 vay số tiền 120.000.000đồng, không lãi, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi nào anh H cần tiền thì sẽ báo trước cho anh S thời hạn là 01 tháng. Hai bên có lập biên nhận và anh S có ký tên xác nhận nợ.

Ngày 10/5/2021 vay số tiền là 200.000.000đồng, không lãi suất, thời hạn trả vốn là 02 năm. Hai bên có lập hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng VK.

Ngày 01/9/2021 vay số tiền 150.000.000đồng, không lãi, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi nào anh H cần tiền thì sẽ báo trước cho anh S thời hạn là 01 tháng. Hai bên có lập biên nhận và anh S có ký tên xác nhận nợ.

Ngày 14/10/2021 vay số tiền là 845.000.000đồng, không lãi, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi nào anh H cần tiền thì sẽ báo trước cho anh S thời hạn là 01 tháng. Hai bên có lập biên nhận và anh S có ký tên xác nhận nợ.

Cũng trong ngày 14/10/2021 anh S vay tiếp của anh H số tiền là 1.100.000.000đồng, không lãi, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, khi nào anh H cần tiền thì sẽ báo trước cho anh S thời hạn là 01 tháng. Hai bên có lập biên nhận và anh S có ký tên xác nhận nợ.

Tổng cộng số tiền vay là 2.415.000.000đồng.

Đến tháng 11/2021 anh H có nhu cầu lấy lại tiền nên yêu cầu anh S trả lại toàn bộ số tiền đã vay nhưng anh S không thực hiện với lý do chưa bán được đất, anh S hẹn khi nào bán được đất sẽ trả nợ. Đến tháng 12/2021 anh H tiếp tục đòi nợ và có thông báo cho anh S biết trước thời hạn để thu hồi vốn nhưng anh S cố tình né tránh, cắt đứt liên lạc. Đến ngày 15/11/2021 anh H biết được sự việc anh S chuyển nhượng đất cho người khác nhưng không chịu trả tiền cho anh H. Nay

anh H yêu cầu anh S trả số tiền vốn là 2.415.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 13,5%/ năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện 14/01/2022 cho đến khi xét xử.

*Bị đơn anh Lê Văn S dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh H, không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 200.000.000đồng theo “Hợp đồng mượn tài sản” ngày 10/5/2021 và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 13,5%/năm, buộc bị đơn anh Lê Văn S trả cho nguyên đơn anh Trần Thanh H số tiền là 1.215.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm từ ngày 14/01/2022 cho đến khi xét xử, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào giấy ủy quyền ngày 07/3/2022 được xác lập giữa anh Trần Thanh H, là bên ủy quyền với anh Bùi Thanh V và chị Nguyễn Thị Cẩm T, là bên nhận ủy quyền các bên thỏa thuận “*Sự có mặt của một trong hai hoặc cả hai người được ủy quyền đều được xem là đại diện hợp pháp của Bên A.*” Tại phiên tòa anh V vắng mặt, chị T có mặt. Căn cứ vào các Điều 86, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án dù vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Bùi Thanh V.

Bị đơn anh Lê Văn S dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” lập ngày 17/02/2021, 01/9/2021,

14/10/2021 và “Hợp đồng mượn tài sản” ngày 10/5/2021 được giao kết giữa anh Trần Thanh H với anh Lê Văn S thể hiện anh S có vay của anh H số tiền tổng cộng là 2.415.000.000đồng. Cụ thể: ngày 17/02/2021 vay số tiền là 120.000.000đồng, ngày 10/5/2021 vay số tiền là 200.000.000đồng, ngày 01/9/2021 vay số tiền là 150.000.000đồng, ngày 14/10/2021 vay số tiền là 845.000.000đồng và 1.100.000.000đồng. Theo đó, các biên nhận ngày 17/02/2021, 01/9/2021, 14/10/2021 hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay, theo lời của nguyên đơn trình bày khi nào anh H cần lấy lại tiền thì sẽ báo trước cho bị đơn thời hạn là 01 tháng, anh S có ký tên vào các biên nhận xác nhận nợ. Đối với số tiền vay 200.000.000đồng theo “Hợp đồng mượn tài sản” ngày 10/5/2021 hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng 10/5/2021, mục đích vay là buôn bán, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng công chứng VK, số công chứng 1070, quyển số 02/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Mặc dù chưa đến hạn hợp đồng nhưng theo nguyên đơn trình bày thì anh S không sử dụng tiền vay vào đúng mục đích đã thỏa thuận, cụ thể là sau khi vay tiền anh S đã có hành vi cố tình né tránh, lẩn trốn. Xét thấy, tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật dân sự có quy định *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”* và tại khoản 2 Điều 91 có quy định *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đối với bị đơn dù được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, được nhận các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa anh S vẫn vắng mặt, đồng thời việc bị đơn không sử dụng tiền vay đúng mục đích như đã thỏa thuận là vi phạm Điều 4 của “Hợp đồng mượn tài sản” ngày 10/5/2021, tại Điều 4 của Hợp đồng có quy định *“Đòi lại tài sản khi bên B sử dụng không đúng mục đích, ...”*. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000đồng dù chưa đến hạn hợp đồng là có cơ sở. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Lê Văn S có vay và còn nợ anh H số tiền là 2.415.000.000đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn trả số tiền 2.415.000.000đồng cho nguyên đơn trong một thời gian

nhất định, vì vậy yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi của số tiền 2.415.000.000đồng theo mức lãi suất là 13,5%/năm từ ngày nộp đơn khởi kiện là 14/01/2022 đến khi xét xử là 06 tháng 21 ngày với số tiền là 182.030.625đồng. Xét thấy, các giao kết vay tiền giữa anh H và S không thỏa thuận lãi suất, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả,...*”. Dẫn chiếu quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là cao hơn quy định nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Do đó, mức lãi suất được chấp nhận là 10%/năm, từ ngày 14/01/2022 đến ngày xét xử là 06 tháng 25 ngày, số tiền lãi của số tiền 2.415.000.000đồng là 136.970.750đồng. Vì vậy số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 45.059.875đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bị đơn anh Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh H số tiền vốn và lãi tổng cộng là 2.551.970.750đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Thanh H có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bị đơn anh Lê Văn S có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh H.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Thanh H về việc yêu cầu bị đơn anh Lê Văn S trả tiền lãi theo mức lãi suất là 13,5%/năm.

Buộc anh Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh H số tiền là 2.552.470.750đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh H phải chịu 2.252.993đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.150.000đồng theo biên lai thu số 0004082 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên anh H được hoàn lại số tiền là 37.922.007đồng.

Anh Lê Văn S phải chịu 83.039.415đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 08/8/2022 có mặt chị T và đại diện Viện kiểm sát.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**